

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2025/DS-ST

Ngày: 13/6/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Nghiệp Hồng.

- Bà Quách Thị Bích Ngà.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Châu – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án thụ lý số: 330/2024/TLST-DS ngày 27/11/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐST-DS ngày 08/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐTP TVN.

Địa chỉ: xx đường yy, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Hùng Đạt, sinh năm 1984.

Ông Đoàn Quang Minh, sinh năm 1987.

Địa chỉ liên lạc: xx đường yy, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông LQT, sinh năm 1991.

Bà>NNL, sinh năm 1990.

Địa chỉ: xx đường yy, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn: Theo Đơn khởi kiện và các Biên bản lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP ĐTP TVN, do ông Tăng Hùng Đạt và ông Đoàn Quang Minh là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 20/10/2020, Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN – Chi nhánh Tây Sài Gòn và ông LQT đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/5898595/HĐPHTTD với nội dung như sau:

- Loại sản phẩm thẻ tín dụng: BIDV Visa Platinum Cash Back.
- Hạn mức tín dụng đề nghị: 200.000.000 đồng.

Ngày 09/11/2020, Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN đã phát hành thẻ tín dụng với hạn mức là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho ông T theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên.

Khi đến hạn thanh toán gốc và lãi, ông LQT đã không trả nợ cho Ngân hàng theo cam kết tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 12/6/2025, tổng số nợ gốc, lãi nợ gốc trong hạn, lãi nợ gốc quá hạn, lãi nợ lãi chậm trả của ông LQT như sau:

- Dư nợ gốc: 114.093.235 đồng.
- Lãi nợ gốc trong hạn: 12.056.883 đồng.
- Lãi nợ gốc quá hạn: 2.965.620 đồng.
- Lãi nợ lãi chậm trả: 285.583 đồng.

Tổng cộng: 129.401.321 đồng.

Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN yêu cầu ông LQT trả toàn bộ số tiền nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu ông T phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng.

2. Ngày 28/10/2020, Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN – Chi nhánh Tây Sài Gòn và bà NNL đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/9668613/HĐPHTTD với nội dung như sau:

- Loại sản phẩm thẻ tín dụng: BIDV Visa Platinum Cash Back.
- Hạn mức tín dụng đề nghị: 200.000.000 đồng

Ngày 29/10/2020, Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN đã phát hành thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho bà L theo Hợp đồng như trên. Khi đến hạn thanh toán gốc và lãi, bà NNL đã không trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN theo cam kết tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 12/6/2025, tổng số nợ gốc, lãi nợ gốc trong hạn, lãi nợ gốc quá hạn, lãi nợ lãi chậm trả của bà NNL như sau:

- Dư nợ gốc: 170.890.034 đồng.
- Lãi nợ gốc trong hạn: 28.947.960 đồng.
- Lãi nợ gốc quá hạn: 2.819.698 đồng.
- Lãi nợ lãi chậm trả: 0 đồng.

Tổng cộng: 202.657.692 đồng.

Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN yêu cầu bà NNL trả toàn bộ số tiền nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu bà L phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng.

3. Ngày 24/11/2021, Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN – Chi nhánh Tây Sài Gòn và ông LQT cùng vợ là bà NNL đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2021/9668613/HĐTD.

Ngày 30/11/2021, Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN đã giải ngân cho ông T và bà L vay với số tiền là: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Thời hạn vay 240 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Để đảm bảo cho cho số tiền vay của các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng trên, ông T và bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ: xx đường yy, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00838 do Ủy ban nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/11/2016, cập nhật chuyển nhượng cho ông LQT ngày 03/12/2021 và theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2021/9668613/HĐBĐ ngày 06/12/2021.

Khi đến hạn thanh toán gốc và lãi, ông T và bà L đã không trả nợ cho Ngân hàng theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 12/6/2025, tổng số nợ gốc, lãi nợ gốc trong hạn, lãi nợ gốc quá hạn, lãi nợ lãi chậm trả của ông LQT và bà NNL như sau:

- Dư nợ gốc: 29.709.547.617 đồng.
- Lãi nợ gốc trong hạn: 3.186.434.902 đồng.
- Lãi nợ gốc quá hạn: 13.874.610 đồng.
- Lãi nợ lãi chậm trả: 172.294.967 đồng.

Tổng cộng: 33.082.152.096 đồng.

Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN yêu cầu ông LQT và bà NNL trả toàn bộ số tiền nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu ông T và bà L phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng.

Trường hợp ông T và bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Tăng Hùng Đạt và ông Đoàn Quang Minh là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu như trên.

2. Bí đơn: Ông LQT và bà NNL:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập và tất cả các văn bản tố tụng khác đối với ông LQT và bà NNL nhưng ông T và bà L đã vắng mặt.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

a) Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chưa đảm bảo về thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn; chưa đảm bảo thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, đề nghị khắc phục.

b) Về nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP ĐTPVTN.

- Buộc ông LQT và bà NNL có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTPVTN tiền nợ gốc và nợ lãi đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng như phía Ngân hàng đã yêu cầu.

- Ông T và bà L phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/6/2025 cho đến khi trả hết nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà L phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP ĐTPVTN và bị đơn là ông LQT và bà NNL đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng, trong quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào sự thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng thì Tòa án được lựa chọn để giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết là đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông LQT và bà NNL đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa nhưng đã vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp, có cơ sở để xác định như sau:

- Ngân hàng TMCP ĐTPVTN – Chi nhánh Tây Sài Gòn và ông LQT đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/5898595/HĐPHTTD ngày 20/10/2020.

- Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN – Chi nhánh Tây Sài Gòn và bà NNL đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/9668613/HĐPHTTD Ngày 28/10/2020.

- Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN – Chi nhánh Tây Sài Gòn và ông LQT và bà NNL đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2021/9668613/HĐTD ngày 24/11/2021.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, ông T và bà L đã không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Tính đến hết ngày 12/6/2025, tổng số tiền nợ của ông T và bà L như sau:

- Ông LQT thiếu nợ đối Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tổng nợ gốc và nợ lãi là: 129.401.321 đồng.

- Bà NNL thiếu nợ đối Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tổng nợ gốc và nợ lãi là: 202.657.692 đồng.

- Ông LQT và bà NNL thiếu nợ đối Hợp đồng tín dụng, tổng nợ gốc và nợ lãi là: 33.082.152.096 đồng.

Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN yêu cầu T và bà L phải trả T bộ số nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu ông T và bà L phải có nghĩa vụ trả tiếp tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định của các Hợp đồng tính kể từ ngày 13/6/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà L đã ký kết các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng như trên là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L trả T bộ số tiền nợ trên một lần và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp đến thời hạn mà ông T và bà L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản do ông T và L đã thế chấp cho Ngân hàng theo đúng hiện trạng thực tế tại thời điểm phát mãi là nhà và đất tại địa chỉ: xx đường yy, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để thu hồi nợ.

Xét thấy: Việc thế chấp tài sản này là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Do đó, trường hợp ông T và bà L không trả nợ đúng hạn thì Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ là đúng quy định pháp luật.

3. Về phía bị đơn: Ông LQT và bà NNL:

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

(...) Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...”

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập đối với ông LQT và bà>NNL nhưng ông T và bà L đã không đến Tòa án để giải quyết và cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, việc buộc ông T và bà L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN T bộ số tiền nợ như trên là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà L phải chịu án phí trên số tiền Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

5. Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trong việc giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy, tất cả các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 158; Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN.

2. Buộc ông LQT có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/5898595/HĐPHTTD ngày 20/10/2020.

Tính đến ngày 12/6/2025, tổng số nợ ông LQT như sau:

- Dư nợ gốc: 114.093.235 đồng.

- Lãi nợ gốc trong hạn: 12.056.883 đồng.

- Lãi nợ gốc quá hạn: 2.965.620 đồng.

- Lãi nợ lãi chậm trả: 285.583 đồng.

Tổng cộng: 129.401.321 đồng (một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ một nghìn ba trăm hai mươi một đồng).

Ông LQT có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTPPTVN toàn bộ số tiền nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông LQT có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2025 trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng.

3. Buộc bà NNL có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/9668613/HĐPHTTD ngày 28/10/2020.

Tính đến ngày 12/6/2025, tổng số tiền nợ của bà NNL như sau:

- Dư nợ gốc: 170.890.034 đồng.
- Lãi nợ gốc trong hạn: 28.947.960 đồng.
- Lãi nợ gốc quá hạn: 2.819.698 đồng.
- Lãi nợ lãi chậm trả: 0 đồng.

Tổng cộng: 202.657.692 đồng (hai trăm lẻ hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

Bà NNL có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN toàn bộ số tiền nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà NNL có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2025 trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng.

4. Buộc ông LQT và bà NNL có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2021/9668613/HĐTD ngày 24/11/2021.

Tính đến ngày 12/6/2025, tổng số tiền nợ của ông LQT và bà NNL như sau:

- Dư nợ gốc: 29.709.547.617 đồng.
- Lãi nợ gốc trong hạn: 3.186.434.902 đồng.
- Lãi nợ gốc quá hạn: 13.874.610 đồng.
- Lãi nợ lãi chậm trả: 172.294.967 đồng.

Tổng cộng: 33.082.152.096 đồng (ba mươi ba tỷ không trăm tám mươi hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Ông LQT và bà NNL có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN toàn bộ số tiền nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông LQT và bà NNL có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2025 trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng.

5. Trường hợp đến hạn mà ông T và bà L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP ĐTP TVN được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp theo đúng hiện trạng thực tế tại thời điểm phát mãi để thu hồi nợ, gồm có:

Nhà và đất tại địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00838 do Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/11/2016, cập nhật chuyển nhượng cho ông LQT ngày 03/12/2021 và theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2021/9668613/HĐBĐ ngày 06/12/2021.

6. Số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản, sau khi thanh toán hết các chi phí phát sinh liên quan đến việc đấu giá, phát mãi và thanh toán hết tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN, nếu còn dư sẽ được trả lại cho ông T và bà L.

Trường hợp số tiền thu được khi phát mãi tài sản, sau khi thanh toán các chi phí như nêu trên mà không đủ để cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN thu hồi nợ thì ông T và bà L có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Trường hợp ông T và bà L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN trước khi Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp như trên thì Ngân hàng TMCP ĐTP TVN có nghĩa vụ tiến hành thủ tục giải chấp và trả lại bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông T và bà L.

7. Trong trường hợp Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi đối với nhà đất tại địa chỉ: xx đường yy, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để Ngân hàng thu hồi nợ thì ông T và bà L phải có trách nhiệm giao nhà trống, buộc tất cả những người đang cư trú tại nhà và đất trên tại thời điểm phát mãi phải có nghĩa vụ dọn ra khỏi nhà để Cơ quan thi hành án tiến hành phát mãi tài sản.

8. Ông Nguyễn Quốc T và bà NNL có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa do Ngân hàng đã nộp theo Thông báo 330/TB-TA ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân Quận 11.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

a) Ông LQT phải chịu án phí trên số tiền phải trả của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là: 6.470.066 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

b) Bà NNL phải chịu án phí trên số tiền phải trả của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là: 10.132.885 đồng (mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng).

c) Ông LQT và bà NNL phải chịu án phí trên số tiền nợ phải trả của Hợp đồng tín dụng là: 141.082.152 đồng (một trăm bốn mươi một triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐTP TVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 69.683.946 đồng (sáu mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050167 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

11. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS-TAND TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Q.11;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Vĩ Bửu